

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/LĐ-PT**

Ngày: 27/6/2025

*V/v: Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động và
yêu cầu bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng và bà Nguyễn Thị Minh Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT- LĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, do có kháng cáo đối với Bản án số 01/2025/LĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2025/QĐXXPT-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà C, ngõ H, Phạm Huy Q, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Công an tỉnh T;

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Á. Chức vụ: Giám đốc Công an tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Công an tỉnh T. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu, tại phiên họp và tại phiên toà, Nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày và có yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:**

Ngày 01/01/2014 ông Bùi Văn Đ và Công an tỉnh T ký hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-CATB, theo đó ông là lao động không xác định thời hạn làm việc cho Công an tỉnh T tại Phòng Hậu cần kỹ thuật (phòng PH10), chức vụ: Nhân viên, công việc phải làm là quét dọn và chăm sóc cây cảnh.

Tháng 01/2017 phòng Hậu cần chuyển ông về bộ phận bếp ăn khu vực Trại tạm giam cũ, ông làm việc ở đó cho đến khi Công an tỉnh ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông.

Tháng 02/2024 Công an tỉnh T tự ý điều chuyển ông từ phòng Hậu cần (PH10) sang phòng Cảnh sát cơ động (PK02), trái với Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-CATB đã ký với ông và không thông báo cho ông. Việc làm đó ông không đồng ý, ông đã có nhiều đơn thư ý kiến về nội dung trên. Tuy nhiên ý kiến của ông đều không được các phòng chức năng của Công an tỉnh T giải quyết thoả đáng. Ông khẳng định ông chỉ làm việc theo đúng hợp đồng lao động, ông không ở phòng Cơ động một ngày nào cả.

Ngày 29/08/2024 tại Hội trường phòng Hậu cần, Công an tỉnh T đã bàn giao Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX10 đề ngày 22/08/2024 (Quyết định có hiệu lực ngày 30/08/2024) về việc chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân đối với ông. Lý do mà Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX10 nêu thể hiện ông “*vi phạm điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động*”.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật hiện hành việc Công an tỉnh T chấm dứt hợp đồng lao động với ông là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái phép. Ông đã có đơn khiếu nại quyết định 4031/QĐ-CAT-PX10 gửi Công an tỉnh T, tuy nhiên Công an tỉnh chưa giải quyết thoả đáng nội dung đơn khiếu nại của ông, sau đó ông nộp đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân thành phố Thái Bình và tiếp tục có đơn khiếu nại lần hai 4031/QĐ-CAT-PX10 gửi Thanh tra bộ C1. Ngày 30/12/2024 Thanh tra Bộ C1 đã ra Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 của ông do việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý.

Ông Đ cho rằng việc Công an tỉnh T ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 4031/QĐ-CAT-PX10 là Công an tỉnh T chưa đúng, chưa làm rõ được các

vấn đề mấu chốt quan trọng chứng minh cho việc làm của Công an tỉnh T là đúng, thể hiện:

1.1 Tại buổi đối thoại với Công an tỉnh T, ông Đ đề nghị Công an tỉnh T làm rõ khái niệm “*Tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày liên tục trở lên*” nhưng Công an tỉnh T không làm được. Về vấn đề này ông Đ đã cung cấp 48 ảnh cho Công an tỉnh T để chứng minh trong thời gian Công an tỉnh T cho rằng ông “*Tự ý bỏ việc*” thì ông vẫn có mặt tại nơi làm việc (là bếp ăn khu vực trại giam cũ), vẫn làm việc theo đúng hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-CATB mà ông đã ký kết với Công an tỉnh. Việc ông vẫn có mặt tại nơi làm việc đã được chính ông Giám đốc Công an tỉnh T ký Quyết định 5215/QĐ-CAT-PX01 ngày 30/10/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn Đ (Lần đầu) xác nhận là đúng thông qua lời nói của người có tên Nguyễn Thị Thùy V thể hiện trong Quyết định 5215/QĐ-CAT-PX01. Điều đó có nghĩa là Công an tỉnh T xác định ông “*tự ý bỏ việc*” là không có căn cứ. Công an tỉnh T cho rằng ông “*vi phạm điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động*” là hoàn toàn sai sự thật; Công an tỉnh T chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông là trái phép.

1.2 Theo quy định tại Điều 45 Bộ luật lao động năm 2019 “*thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động tính từ thời điểm có thông báo chấm dứt hoạt động*”. Công an tỉnh bàn giao Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX10 chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông vào ngày 29/08/2024, hiệu lực từ ngày 30/08/2024. Theo đó ngày 29/08/2024 chính là ngày luật pháp ghi nhận thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông và Công an tỉnh T. Từ lập luận trên Công an tỉnh ký Quyết định ngày nào là do ý chí chủ quan của Công an tỉnh T. Ngày ký Quyết định (ngày 22/08/2024) không phải là ngày chấm dứt hợp đồng. Công an tỉnh nói ngày 22/08/2024 là ngày chấm dứt hợp đồng với ông là hoàn toàn không có căn cứ.

1.3 Đối chiếu với Giấy ra viện ngày 13/9/2024 của Bệnh viện Y cấp cho ông thể hiện ông Đ nhập viện ngày 28/08/2024. Điều đó có nghĩa là Công an tỉnh T chấm dứt hợp đồng lao động với ông khi ông đang bị ốm là vi phạm khoản 1 Điều 37 Bộ luật lao động năm 2019. Việc ông ốm, ông không báo cáo với Công an tỉnh vì ông vẫn tham gia lao động bình thường hơn nữa trách nhiệm của ông không cần thiết phải báo cáo việc bị ốm, Công an tỉnh phải có trách nhiệm nắm bắt và quản lý.

Nay để bảo vệ quyền lợi của mình, ông Bùi Văn Đ khởi K Công an tỉnh T, yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án xác định Công an tỉnh T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ là trái pháp luật.

- Buộc Công an tỉnh T bồi thường, chi trả cho ông Đ các khoản tiền (*Được*

tính trên cơ sở mức lương thực tế ông được Công an tỉnh T chi trả hàng tháng là **11.470.000 đồng**), cụ thể như sau:

(1) Các khoản phải chi trả:

+ Tiền nghỉ phép năm 2024 theo khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động:

Lương tháng/số ngày làm việc x số ngày nghỉ phép (11.470.000đồng/22 ngày x 14 ngày = 7.299.000 đồng) (*bằng chữ: Bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

(2) Các khoản phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật gồm:

+ Tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày ông Đ không được làm việc theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động (Thời gian tính từ ngày 30/08/2024). Số tiền này do Cơ quan bảo hiểm tính toán theo quy định.

+ Tiền lương thực tế hàng tháng ông được nhận nhưng bị mất do việc chấm dứt hợp đồng trái phép mà Công an tỉnh T gây ra cho ông (thời gian tính từ 30/08/2024 đến ngày 30/8/2042) theo Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP cụ thể: 18 năm x 12 tháng x tiền lương hàng tháng (11.470.000 đồng) = 2.477.520.000 đồng

+ Tiền trợ cấp thôi việc theo Điều 46 Bộ luật lao động: 10 năm x 0,5 tháng lương liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động (10 x 0,5 x 11.470.000 = 57.350.000 đồng) (*Năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Khoản khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, ông Bùi Văn Đ bổ sung về các “khoản tiền khác” yêu cầu Công an tỉnh T phải bồi thường cho ông gồm:

- Tiền lương cho những ngày ông không được làm việc, tiền trả thêm theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động (Thời gian tính từ ngày 30/8/2024), số tiền này do cơ quan Bảo hiểm xã hội tính toán theo quy định, trong đó:

+ Tiền lương: 11.470.000 đồng/22 ngày x số ngày không được làm việc

+ Tiền trả thêm: 11.470.000 đồng x số tháng không được làm việc.

- Tiền trợ cấp mất việc làm theo Điều 47 Bộ luật Lao động: 10 năm x 1,0 tháng lương liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động (10 x 1,0 x 11.470.000 đồng = 114.700.000 đồng).

Ngày 04/4/2025 ông Đ có đơn yêu cầu thay đổi mức bồi thường gửi TAND thành phố Thái Bình, trong đó ông Đ bổ sung tiếp khoản tiền yêu cầu Công an tỉnh bồi thường cho ông là khoản bồi thường tổn thất tinh thần theo Điều

584 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 tạm tính là: Mức lương cơ sở x 100 lần = 2.340.000 đồng x 100 = 234.000.000 đồng.

Tại phiên toà, ông Đ yêu cầu Công an tỉnh T trả thêm khoản tiền Bảo hiểm y tế. Đồng thời ông rút yêu cầu bồi thường hai khoản trợ cấp thôi việc (57.350.000 đồng) và trợ cấp mất việc (114.700.000 đồng) do không phù hợp quy định của pháp luật.

*** Tại công văn số 6355/CAT-TCCB ngày 24/12/2024 của Công an tỉnh T, các bản trình bày và tại phiên họp, phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công an tỉnh T là ông: Nguyễn Văn T - Trưởng phòng Tổ chức, cán bộ Công an tỉnh T trình bày và có ý kiến cụ thể như sau:**

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ, yêu cầu Tòa án xác định Công an tỉnh T đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ là trái pháp luật.

Công an tỉnh T khẳng định việc Công an tỉnh T chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ tại Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 của Giám đốc Công an tỉnh T là đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ trước khi ông Đồng khởi K ra Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, Công an tỉnh T đã tiến hành xác minh, giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông Bùi Văn Đ về Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 và đã kết luận nội dung khiếu nại của ông Đ là khiếu nại sai. Quá trình xác minh nội dung khiếu nại của ông Đ cụ thể như sau:

Ngày 10/9/2024, Công an tỉnh T nhận được Đơn khiếu nại đề ngày 29/8/2024 của ông Bùi Văn Đ khiếu nại đối với Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 của Công an tỉnh T về việc chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân đối với ông Bùi Văn Đ.

Quá trình thụ lý giải quyết khiếu nại, ông Bùi Văn Đ cung cấp thêm 02 (hai) tài liệu gồm: (1) 01 bản sao Giấy ra viện của Bệnh viện Y, khoa Nội cơ xương khớp ngày 13/9/2024 ghi tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 25/08/1980, mã số thẻ BHYT CH 2347700260042; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T; vào viện lúc 16 giờ 00 phút, ngày 28/8/2024; ra viện lúc 09 giờ 50 phút ngày 13/09/2024; chẩn đoán: Tổn thương dây thần kinh hông to; (2) 48 (bốn mươi tám) ảnh do ông Đồng T1 chụp lại chân dung bằng điện thoại di động của cá nhân và in ra, có chữ ký xác nhận của ông Đ; theo ông Đ đây là các ảnh ghi lại thời điểm ông đến cơ quan (tại bếp ăn Phòng PK02 quản lý); các ảnh chỉ thể hiện thông tin về giờ, ngày, tháng, không có thông tin về năm.

Căn cứ nội dung đơn khiếu nại và các quy định của pháp luật, Giám đốc Công an tỉnh T đã thụ lý giải quyết khiếu nại, ban hành Quyết định số 4577/QĐ-

CAT-PX01, ngày 27/9/2024 về việc xác minh nội dung khiếu nại và thành lập Tổ xác minh, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại; đồng thời thu thập tài liệu xác minh khác làm cơ sở kết luận nội dung khiếu nại. Kết quả xác minh thể hiện:

Về quá trình ký hợp đồng và sử dụng lao động hợp đồng đối với ông Bùi Văn Đ:

Ông Bùi Văn Đ nguyên là cán bộ Công an tỉnh, đã vi phạm kỷ luật, nguyên tắc kỷ luật của Ngành nên tháng 12/2013 ông Đ có đơn xin xuất ngũ và được lãnh đạo Công an tỉnh quyết định cho xuất ngũ.

Căn cứ hoàn cảnh gia đình ông Đ có bố đẻ là liệt sĩ, mẹ già yếu, vợ không có việc làm ổn định, hai con nhỏ và nguyện vọng của ông Đ, Công an tỉnh ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 01/HĐLĐ-CATB, ngày 01/01/2014, giao Phòng Hậu cần quản lý trực tiếp và sử dụng (PH10); chức danh công việc: quét dọn và chăm sóc cây cảnh. Ngay sau khi ký kết, Phòng Hậu cần bố trí ông Đ làm việc tại Nhà Nghỉ. Sau đó do vi phạm về việc chấp hành điều lệnh, nội quy, quy chế của đơn vị nên để phòng ngừa sai phạm, Phòng Hậu cần bố trí ông Đ từ Nhà nghỉ đến làm việc (*vệ sinh, quét dọn đồng thời hỗ trợ các đồng chí khác thực hiện nhiệm vụ, không trực tiếp làm nhiệm vụ nấu ăn, tiếp phẩm*) tại bếp ăn cụm trụ sở Phòng Cảnh sát cơ động từ tháng 01/2017 (*thời điểm này bếp ăn vẫn do Phòng Hậu cần quản lý*). Sau khi được phân công làm việc tại Bếp ăn, ông Đ có biểu hiện chán nản, hiệu quả công việc thấp, không hỗ trợ các đồng chí trong tổ, chỉ làm việc nhỏ, nhẹ nhàng làm ảnh hưởng đến tư tưởng các đồng chí lao động khác. Tháng 4/2017, Phòng Hậu cần đã họp, thống nhất đề nghị Lãnh đạo Công an tỉnh chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ. Tuy nhiên xét điều kiện hoàn cảnh của ông Đ nên thời điểm đó Công an tỉnh chưa thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ và ông Đ vẫn tiếp tục công việc tại Bếp ăn cụm trụ sở Phòng Cảnh sát cơ động (khu vực trại tạm giam cũ).

Tháng 01/2024, Công an tỉnh T quyết định bàn giao bếp ăn cụm trụ sở Phòng Cảnh sát cơ động do Phòng Hậu cần quản lý (bao gồm cả vật chất, con người đang làm việc) cho Phòng C2 (PK02) quản lý. Thực hiện Thông tư 22/2022/TT-BCA, ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ C1 quy định về hợp đồng lao động trong Công an nhân dân, Lãnh đạo Công an tỉnh đã ký Quyết định số 495/QĐ-CAT-PX01 điều động ông Bùi Văn Đ đến làm việc tại Phòng Cảnh sát cơ động, kể từ ngày 05/02/2024 (*ngoài ông Đ còn có 01 lao động không xác định thời hạn và 01 lao động xác định thời hạn*). Quyết định đã chuyển cho Phòng Hậu cần và Phòng Cảnh sát cơ động để thông báo tới người lao động trong đó có ông Đ, tuy nhiên ông Đ vẫn có ý kiến là không được thông báo, không báo trước cho ông Đ. Thời điểm này, ông Đ có gửi nhiều đơn đến các cơ quan đề nghị được giải quyết về các nội dung có liên quan. Các nội dung ông Đ có ý kiến đều đã được

giải đáp và trả lời theo quy định nhưng ông Đ vẫn không đồng ý. Phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh T đã phối hợp với Phòng Hậu cần, Phòng Cảnh sát cơ động làm việc với ông Đ 03 lần (01/3/2024; 26/4/2024; 07/5/2024) để nắm bắt tâm tư nguyện vọng, giải đáp các ý kiến, thông báo quyết định điều động của Giám đốc C3 yêu cầu ông Đ chấp hành nghiêm nghĩa vụ của người lao động tuy nhiên ông Đ vẫn không chấp hành và cho rằng phải thông báo cho ông trước khi điều động (*mặc dù chức danh công việc lao động của ông Đ không thay đổi, chỉ thay đổi đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng từ Phòng Hậu cần sang Phòng Cảnh sát cơ động nên không thuộc đối tượng phải thông báo trước*).

Từ khi Phòng Cảnh sát cơ động (PK02) quản lý bếp ăn, ông Đ không yên tâm công tác, không thường xuyên đến cơ quan và không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tại bếp ăn. Hàng ngày, Tổ trưởng Tổ bếp ăn và đội quản lý bếp ăn đều có báo cáo kết quả làm việc tại bếp, trong đó nêu rõ ông Đ có đến cơ quan nhưng không thực hiện nhiệm vụ tại bếp ăn mặc dù đã được phân công nhiệm vụ; xếp loại tháng 2/2024: Hoàn thành nhiệm vụ; tháng 3,4,5,6,7: Không hoàn thành nhiệm vụ. Phòng Cảnh sát cơ động có báo cáo đề nghị điều động ông Đ đến đơn vị khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 18/6/2024, Phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh đã làm việc với ông Đ về việc xem xét nguyện vọng bố trí hợp đồng lao động, tuy nhiên tại buổi làm việc về phía ông Đ chưa thống nhất được nội dung làm việc. Phòng Tổ chức cán bộ đã 03 lần gửi Thông báo đề nghị ông Đ lên làm việc nhưng ông Đ1 không nhận thông báo và không chấp hành.

Căn cứ khoản 3 Điều 33 Bộ luật Lao động năm 2019 về sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động “*Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động thì tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã giao kết*”, ngày 31/7/2024 Lãnh đạo Công an tỉnh đã ký Quyết định số 3703/QĐ-CAT-PX01 điều động ông Đ đến làm việc tại Phòng Hậu cần (PH10) từ ngày 02/8/2024 để tiếp tục làm nhiệm vụ *quét dọn vệ sinh và chăm sóc cây cảnh*. Phòng Cảnh sát cơ động (PK02) đã triển khai quyết định cho ông Đ vào ngày 01/08/2024 nhưng ông Đ từ chối nhận quyết định và đề nghị Lãnh đạo Phòng Cảnh sát cơ động phải xuống trao đổi trực tiếp (*Phòng Cảnh sát cơ động đã thông báo quyết định và lập biên bản*). Ngay sau khi nhận quyết định, Phòng Hậu cần (PH10) cũng đã chỉ đạo Đội Tổng hợp liên hệ với ông Đ để thông báo cho ông Đ biết đến nhận nhiệm vụ tại Phòng Hậu cần nhưng không liên lạc được. Đến ngày 02/8/2024, ông Đ vẫn không đến Phòng Hậu cần để nhận nhiệm vụ nên đơn vị đã phân công cán bộ đến Phòng Cảnh sát cơ động 02 lần (biên bản lập hồi 15h30’ ngày 02/8/2024 và 7h30’ ngày 05/8/2024) để gặp và thông báo cho ông Đ nhưng không gặp được.

Chiều ngày 05/8/2024, ông Đ đến Chi bộ Đội Hành chính - Quản trị, Phòng Hậu cần để tham gia sinh hoạt cho bộ định kỳ tháng 8/2024, tại buổi sinh hoạt chi bộ, đại diện cấp ủy đơn vị và Bí thư chi bộ đã thông báo cho ông Đ về Quyết định của Giám đốc Công an tỉnh và yêu cầu ông Đ đến đơn vị để thực hiện nhiệm vụ nhưng ông Đ vẫn không chấp hành.

Ngày 06/8/2024, các đơn vị chức năng gồm: Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng C2, Phòng Hậu cần, Thanh tra Công an tỉnh, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh và đại diện người lao động theo hợp đồng lao động đã tiến hành họp dưới sự chủ trì của đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh, lấy ý kiến của các đơn vị về việc xử lý đối với ông Đ. Tại cuộc họp, các đơn vị đều thống nhất đề xuất: Chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ.

Trên cơ sở báo cáo số 413/BC-PH10 ngày 15/8/2024 của Phòng Hậu cần về việc đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ, với lý do: từ ngày 02/8/2024 đến ngày 14/8/2024 **(13 ngày liên tục)** ông Đ không đến làm việc, tự ý bỏ việc không có lý do *(Tài liệu thể hiện gồm: 07 biên bản làm việc về việc vắng mặt của ông Đ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 08/8/2024; 06 báo cáo về việc người lao động không đến làm việc tại đơn vị (từng ngày từ 02/8/2024 đến 09/8/2024) của Đội Hành chính quản trị; Ngày 14/8/2024, Đội Hành chính - Quản trị, Phòng PH10 đã tiến hành họp toàn bộ cán bộ chiến sĩ, người lao động thuộc Đội để đánh giá, nhận xét việc chấp hành của ông Đ đối với Quyết định điều động lao động hợp đồng của Công an tỉnh (thời điểm diễn ra cuộc họp ông Đ vắng mặt không có lý do dù đã được thông báo từ trước). Tại cuộc họp, cán bộ chiến sĩ, người lao động đã tham gia ý kiến, đánh giá nhận xét và thống nhất đề nghị Đảng ủy, lãnh đạo đơn vị báo cáo Lãnh đạo Công an tỉnh xét, quyết định xử lý đối với ông Đ theo quy định của Bộ luật Lao động).*

Trên cơ sở báo cáo của Phòng Hậu cần, ngày 16/8/2024, Phòng Tổ chức cán bộ đã có báo cáo đề xuất và được Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh đồng ý về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động: “Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên”. Ngày 22/8/2024 Công an tỉnh đã ban hành và ký Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân đối với ông Bùi Văn Đ.

Như vậy, cơ sở ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng đối với ông Bùi Văn Đ là đúng trình tự, không trái với các quy định của Bộ Luật lao động năm 2019.

Đối với căn cứ mà ông Đ nêu ra cho rằng ông bị ốm phải nhập viện và bản thân ông vẫn đi làm nên Công an tỉnh chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông là không đúng, đồng thời ông Đ đưa ra 02 tài liệu để chứng minh gồm 01

Giấy ra viện và 48 bức ảnh chụp chân dung của ông Đ, Công an tỉnh thấy rằng:

⁽¹⁾ Đối với Giấy ra viện của Bệnh viện Y (thể hiện ông Đ nhập viện từ 16 giờ 00 phút ngày 28/8/2024), các tài liệu của Công an tỉnh đã xuất trình cho Tòa án thể hiện:

Thực hiện Quyết định của Giám đốc Công an tỉnh và Công văn số 2080/CV-PX01, ngày 27/8/2024 của Phòng Tổ chức cán bộ về việc chấm dứt hợp đồng lao động; vào khoảng 16 giờ chiều ngày 28/8/2024, Phòng Hậu cần có cử cán bộ đến gia đình ông Đ để gửi giấy mời, trước khi đến đã gọi điện thông báo trước cho ông Đ nhưng khi đến ông Đ vẫn không có nhà. Do đó, cán bộ Phòng Hậu cần đã gửi giấy mời cho bà Bùi Thị N - là mẹ ông Đ, bà N đã nhận giấy mời nhưng không ký vào biên bản bàn giao, cũng không nói gì về việc ông Đ bị ốm hay nằm viện. Sáng ngày 29/8/2024 ông Đ vẫn đến cơ quan nghe thông báo và nhận quyết định. Việc ông Đ nhập viện điều trị bệnh, ông Đ không báo cáo Đội công tác cũng như Lãnh đạo đơn vị, Phòng Hậu cần hoàn toàn không biết. Ngoài ra, Công an tỉnh ký Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ từ ngày 22/8/2024, trong Giấy ra viện của Bệnh viện Y thể hiện ông Đ nhập viện từ 16 giờ 00 phút ngày 28/8/2024 (thời điểm cán bộ Phòng Hậu cần đến nhà ông Đ gửi Giấy mời đến đơn vị nhận quyết định); trước đó ông Đ không đến Phòng Hậu cần nhận nhiệm vụ, tự ý bỏ việc không có lý do, cũng không báo cáo với đơn vị về việc bị ốm, nhập viện.

⁽²⁾ Đối với tài liệu gồm 48 ảnh của ông Đ chụp bằng điện thoại, in gửi kèm theo nội dung khiếu nại cũng như khởi kiện: Quá trình làm việc với Tổ xác minh giải quyết khiếu nại, ông Đ trình bày: Tài liệu 48 ảnh ông Đ đồng tự chụp bằng điện thoại, các ảnh cung cấp thể hiện các thông tin về giờ, ngày, tháng, không có thông tin về năm, địa điểm chụp ảnh thuộc Bếp ăn Cụm trụ sở PC10, PK02 Công an tỉnh; căn cứ các ảnh này, ông Đ cho rằng ông có tham gia làm việc, lao động, không tự ý nghỉ việc như báo cáo của các đơn vị quản lý.

Theo Quyết định số 3703/QĐ-CAT-PX01, ngày 31/7/2024 của Giám đốc Công an tỉnh: Từ ngày 02/8/2024 ông Bùi Văn Đ thuộc quân số của Phòng Hậu cần quản lý với chức danh công việc là quét dọn và chăm sóc cây cảnh; Phòng Cảnh sát cơ động và Phòng Hậu cần đã liên hệ và thông báo cho ông Đ nhiều lần, tuy nhiên ông Đ cố tình không nhận Quyết định, không đến Phòng Hậu cần để nhận công việc, tự ý bỏ việc không lý do, không báo cáo với đơn vị (từ ngày 02/8/2024 đến thời điểm Phòng Hậu cần báo cáo 14/8/2024 là 13 ngày liên tục). Việc ông Bùi Văn Đ không đến Phòng Hậu cần nhận nhiệm vụ (từ ngày 02/8/2024) là không chấp hành Quyết định của Công an tỉnh.

- Các bức ảnh mà ông Đ cung cấp, nếu đúng cũng chỉ thể hiện việc ông Đ có đến Bếp ăn cụm trụ sở Phòng PK02, PC10, không chứng minh được việc có tham

gia lao động tại nơi làm việc, không chứng minh được việc ông Đ đến nhận nhiệm vụ và làm việc tại Phòng Hậu Cần theo Quyết định 3703. Căn cứ: 03 báo cáo của Phòng PK02 (số 118/PK02, ngày 18/3/2024; số 226/BCĐX-PK02, ngày 06/5/2024; số 285/BC-PK02, ngày 23/5/2024) về việc ông Đ không chấp hành Quyết định điều động của Lãnh đạo Công an tỉnh, không thực hiện nhiệm vụ tại bếp ăn trụ sở Phòng PK02, PC10, đề nghị Lãnh đạo Công an tỉnh điều động đi thực hiện nhiệm vụ khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; ngày làm việc là 08 tiếng, khi Công an tỉnh T kiểm tra thì bất cứ khi nào cũng phải có mặt nhưng khi kiểm tra ông Đ không có mặt và không có báo cáo trước về việc vắng mặt; ngoài ra báo cáo của bà Nguyễn Thị Thùy V, là lao động hợp đồng không xác định thời hạn được giao phụ trách bếp ăn trụ sở Phòng PK02, PC10: “*Mặc dù đã phân công nhiệm vụ cụ thể (tại sổ giao việc và trên bảng) cho ông Bùi Văn Đ tại bếp ăn (dọn vệ sinh xung quanh bếp ăn, lau bàn ghế, nhà ăn) nhưng mỗi ngày ông Đ chỉ đến cơ quan khoảng 2-4 giờ, sử dụng điện thoại và không làm việc theo sự phân công của đơn vị quản lý*”.

Vì vậy, việc ông Đ cung cấp 48 bức ảnh tự chụp chân dung cá nhân thể hiện việc có đến Bếp ăn Trụ sở PK02, PC10 của Công an tỉnh hàng ngày để chứng minh việc ông Đ không vắng mặt 5 ngày liên tiếp là không có cơ sở.

Kết quả đối thoại khi giải quyết khiếu nại:

Ngày 24/10/2024, Công an tỉnh T tổ chức đối thoại với ông Bùi Văn Đ và các tổ chức, cá nhân có liên quan và thông qua Dự thảo Báo cáo kết quả xác minh, kết quả:

- Các thành viên tham gia buổi đối thoại đều nhất trí với Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh Công an tỉnh.
- Về phía ông Bùi Văn Đ: (1) Nhất trí kết quả xác minh đối với nội dung “*Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ký ngày 22/8/2024 nhưng đến ngày 29/8/2024 mới giao cho ông Đ*” và không có ý kiến gì thêm; (2) Không đồng ý với kết quả xác minh về căn cứ áp dụng để chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ (*tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên*).

Ngày 30/10/2024, Công an tỉnh đã có Quyết định giải quyết khiếu nại số 5215/QĐ-CAT và kết luận, nội dung khiếu nại của ông Bùi Văn Đ là khiếu nại sai.

Từ những lập luận và căn cứ nêu trên, Công an tỉnh T xác định việc ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Bùi Văn Đ là đúng quy định của pháp luật, do đó Công an tỉnh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình không chấp nhận nội dung khởi kiện này của ông Bùi Văn Đ.

2. Về nội dung khởi kiện của ông Bùi Văn Đ yêu cầu Công an tỉnh bồi thường và chi trả các khoản tiền gồm:

2.1. Ông Đ yêu cầu Công an tỉnh T chi trả cho ông Đồng T2 nghỉ phép năm 2024 theo khoản 3 Điều 67 Bộ luật lao động, Công an tỉnh có ý kiến:

Khoản 3 Điều 67 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “*Bảo đảm việc làm đối với người lao động*” không quy định về tiền nghỉ phép. Trong quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 chỉ nói về ngày nghỉ hằng năm và thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ quy định tại Điều 113 không nói về ngày nghỉ phép. Ông Bùi Văn Đ là lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong Công an nhân dân (được xác định là làm công việc trong điều kiện bình thường: vệ sinh, chăm sóc cây cảnh). Tính từ ngày ký hợp đồng (tháng 01/2014) đến tháng chấm dứt hợp đồng (tháng 8/2024) ông Đ có thời gian làm việc tại Công an tỉnh là 10 năm 08 tháng. Năm 2024 ông Đ làm việc và hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 08 tháng (từ tháng 01/2024 đến tháng 8/2024), chưa nghỉ chế độ nghỉ hằng năm. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 113, Điều 114 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 và Điều 66 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, ông Bùi Văn Đ thuộc trường hợp được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương và sẽ được Công an tỉnh T thanh toán tiền lương cho số ngày chưa nghỉ hằng năm năm 2024 khi chấm dứt hợp đồng.

Số ngày nghỉ hằng năm được hưởng nguyên lương của ông Đ được tính như sau: (Số ngày nghỉ hằng năm (12 ngày) cộng số ngày được nghỉ tăng thêm của 10 năm làm việc (02 ngày) chia cho 12 tháng nhân với số tháng làm việc thực tế trong năm (08 tháng), tổng số ngày nghỉ: **9,3** ngày nghỉ. Số tiền nghỉ phép năm 2024 ông Đ được nhận: $2.340.000 \text{ đ} \times 2.98 \text{ (hệ số lương)} / 22 \text{ ngày} \times 09 \text{ ngày} = \mathbf{2.852.672}$ đồng. Số tiền này được quyết toán vào niên độ ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (hết quý I hằng năm). Do đó Công an tỉnh sẽ tiến hành chi trả số tiền trên cho ông Đ trong tháng 3/2025.

Tại Công văn số 1186/PX01-CSBH ngày 09/4/2025 của Công an tỉnh T xác định đối với số tiền nghỉ hằng năm 2.852.672 đồng, phòng Hậu cần Công an tỉnh T đã viết phiếu chi và liên hệ với ông Đ đến Công an tỉnh nhận số tiền trên. Tuy nhiên, hai lần liên hệ điện thoại vào ngày 14/3/2025 và 31/3/2025, một lần cử cán bộ đến nhà gửi thông báo vào ngày 02/4/2025, ông Đ từ chối đến nhận số tiền này với lý do đợi phán quyết của Tòa án. Do đó Công an tỉnh tạm thời lưu phiếu chi và sẽ chi trả cho ông Đ theo phán quyết của Tòa.

Ngoài khoản tiền trên thì Công an tỉnh T đã hoàn thành việc chi trả các khoản chế độ chính sách sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Đ gồm: C ăn thêm 04 ngày lễ tết (Giỗ tổ H, 30/4, 01/5 và 19/8) với số tiền 280.000 đồng; Chi trả tiền Huy chương vì an ninh tổ quốc số tiền 2.700.000 đồng.

Ngoài ra Công an tỉnh cũng cấp thêm mức tiền lương thực tế mà ông Đ thực lĩnh (sau khi đã trừ các khoản BHXH, BHYT, BHTN mà ông Đ có trách nhiệm phải đóng) là **11.470.914 đồng/tháng**.

2.2. Đối với yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu Công an tỉnh T bồi thường tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày ông Đ không được làm việc theo khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động và tiền lương thực tế hàng tháng ông Đ được nhận nhưng bị mất việc do việc chấm dứt hợp đồng trái phép mà Công an tỉnh T đã gây ra cho ông Đ cũng như trợ cấp mất việc theo khoản 1 Điều 41 Bộ Luật lao động; khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-QHĐTP. Công an tỉnh có quan điểm:

Năm 2024 ông Bùi Văn Đ tự ý nghỉ việc 13 ngày liên tục từ 02/8/2024 đến ngày 14/8/2024 bị Công an tỉnh chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ Luật lao động: “*Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên*”. Việc Công an tỉnh T tiến hành quy trình chấm dứt hợp đồng lao động, ban hành và triển khai Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 là đúng trình tự, thủ tục và không trái với quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, không có căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội và Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó ông Bùi Văn Đ không thuộc trường hợp được thực hiện chế độ chính sách quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động. Việc ông Đ yêu cầu trả tiền lương cho những ngày ông Đ không làm việc và trợ cấp mất việc theo quy định tại các văn bản trên là trái quy định, Công an tỉnh không có trách nhiệm bồi thường những khoản này.

2.3. Ông Đ yêu cầu Công an tỉnh chi trả tiền trợ cấp thôi việc theo Điều 46, Bộ Luật lao động. Quan điểm của Công an tỉnh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Lao động quy định: “*Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9 và 10 Điều 34 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này*”.

Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động ông Đ chưa đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu, mặt khác trường hợp chấm dứt hợp đồng đối với ông Đ thuộc

trường hợp quy định tại điểm 3 khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động. Do đó, Công an tỉnh T không có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc cho ông Bùi Văn Đ.

Căn cứ hợp đồng đã ký với Công an tỉnh T; ông Đ được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định của pháp luật và của ngành (bao gồm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp phục vụ quốc phòng an ninh...). Tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng tháng 8/2024, ông Đ có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội trong CAND là 25 năm 10 tháng trong đó thời gian tham gia Bảo hiểm thất nghiệp là 10 năm 08 tháng. Căn cứ khoản 3, Điều 45 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2023 của Quốc hội *“Thời gian người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp không được tính để hưởng trợ cấp mất việc làm hoặc trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về viên chức”* do đó thời gian công tác 10 năm 08 tháng ông Đ tham gia bảo hiểm thất nghiệp không được tính để hưởng trợ cấp thôi việc.

Để kịp thời giải quyết chế độ chính sách đối với ông Bùi Văn Đ, ngay sau khi chấm dứt hợp đồng, Công an tỉnh T đã hoàn thiện hồ sơ gửi Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tiến hành chốt sổ Bảo hiểm xã hội, xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp đối với ông Bùi Văn Đ. Ngày 24/10/2024, Công an tỉnh đã tiến hành bàn giao sổ BHXH đồng thời hướng dẫn ông Đ liên hệ với Trung tâm giới thiệu việc làm tại địa phương để làm thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định.

Với các căn cứ nêu trên, việc ông Đ yêu cầu hưởng trợ cấp thôi việc theo Bộ luật Lao động là trái với quy định.

Tóm lại, quan điểm chung của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Công an tỉnh T ban hành Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01, ngày 22/8/2024 chấm dứt hợp đồng đối với ông Bùi Văn Đ là có căn cứ, đúng trình tự, không trái với các quy định của Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, Công an tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ về việc xác định việc Công an tỉnh chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đ là trái pháp luật và bồi thường thiệt hại cho ông Đ.

- Đối với các khoản chi trả cho ông Đ khi chấm dứt hợp đồng lao động: Công an tỉnh đã thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định đối với ông Bùi Văn Đ. Riêng khoản tiền nghỉ hằng năm của ông Đ với số tiền 2.852.672 đồng, hết quý I năm 2025 Công an tỉnh T đã lập phiếu chi số tiền này. Tuy nhiên do ông Đ không đến Công an tỉnh để nhận nên Công an tỉnh T đã chuyển toàn bộ số tiền này cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình tại Biên lai thu tiền số 0000783 ngày 14/4/2025 để Tòa án xử lý trả cho ông Đ.

** Tại lời khai của ông Nguyễn Thanh T3 - Trưởng phòng Hậu cần, Công an tỉnh T và chị Nguyễn Thị Thùy V người lao động phụ trách bếp ăn trụ sở PC10 và PK02 do phòng Cảnh sát cơ động quản lý cũng xác nhận nội dung trình bày như lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.*

** Tại Công văn số 573/BHXXH-QLTST ngày 18/3/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T xác nhận: Ông Bùi Văn Đ đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 9755/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/12/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T. Số tháng được hưởng trợ cấp là 10 tháng, thời gian hưởng kể từ ngày 19/11/2024. Mức hưởng trợ cấp hàng tháng là 3.218.200 đồng/tháng.*

Bản án số 01/2025/LĐ-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 10 Điều 34, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 45, Điều 179, Điều 187, Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ về việc xác định Công an tỉnh T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (tại Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân) đối với ông Bùi Văn Đ là trái pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Bùi Văn Đ về việc yêu cầu Công an tỉnh T phải bồi thường các khoản:

+ Tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày ông Đ không được làm việc (Thời gian tính từ ngày 30/08/2024), do Cơ quan Bảo hiểm xã hội tính toán;

+ Tiền lương thực tế hàng tháng ông Đ được nhận nhưng bị mất trong 18 năm (thời gian tính từ 30/08/2024 đến ngày 30/8/2042) là 2.477.520.000 đồng;

+ Các khoản bồi thường khác như: Tiền lương cho những ngày ông Đ không được làm việc, tiền trả thêm (tính từ ngày 30/8/2024), số tiền này do cơ quan Bảo hiểm xã hội tính toán, trong đó: Tiền lương: 11.470.000 đồng/22 ngày x số ngày không được làm việc, tiền trả thêm: 11.470.000 đồng x số tháng không được làm việc; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 234.000.000 đồng; tiền bảo hiểm y tế.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các khoản yêu cầu bồi thường gồm: Tiền trợ cấp mất việc làm là 114.700.000 đồng; T2 trợ cấp thôi việc là 57.350.000 đồng;

4. Ghi nhận việc Công an tỉnh T chi trả bổ sung cho ông Bùi Văn Đ số tiền nghỉ hằng năm của năm 2024 là: 2.852.672 đồng (*Hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng*). Chuyển số tiền 2.852.672 đồng Công an tỉnh T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000783 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình để chi trả cho ông Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình như sau:

- Xác định Công an tỉnh T chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Đ là trái pháp luật.

- Yêu cầu Công an tỉnh T bồi thường thiệt hại cho ông Đ theo các nội dung đã yêu cầu.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự có ý kiến như sau: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:**

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn Đ gửi trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy đơn kháng cáo của ông Đ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của **ông Bùi Văn Đ** thì thấy:

[3.1] Theo Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-CATB ngày 01/01/2014 giữa ông Đ và Công an tỉnh T, ông Đ là lao động theo hợp đồng không xác định thời hạn, công việc phải làm là quét dọn và chăm sóc cây cảnh tại Phòng H, thuộc Công an tỉnh T. Hợp đồng này có điều khoản tại khoản 2 Điều 4 cho phép người sử dụng lao động được điều chuyển, điều động, tạm ngừng việc... theo quy định pháp luật. Do đó, việc Công an tỉnh T điều động ông Đ từ Phòng Hậu cần sang Phòng Cảnh sát cơ động và ngược lại không làm thay đổi bản chất công việc, không trái với nội dung hợp đồng lao động và phù hợp với quyền của người sử dụng lao động theo Bộ luật Lao động.

[3.2] Ông Đ không chấp hành Quyết định số 3703/QĐ-CAT-PX01 ngày 31/7/2024 của Giám đốc Công an tỉnh T về việc điều động ông về lại Phòng Hậu cần từ ngày 02/8/2024. Dù đã được thông báo nhiều lần, trong đó có cả thông báo trực tiếp trong sinh hoạt Chi bộ ngày 05/8/2024, ông Đ vẫn không đến nhận nhiệm vụ và tự ý bỏ việc liên tục từ ngày 02/8 đến ngày 21/8/2024.

[3.3] Tài liệu, chứng cứ do Công an tỉnh T cung cấp như biên bản xác nhận vắng mặt, báo cáo của đơn vị quản lý, lời khai của người lao động phụ trách trực tiếp... đã làm rõ việc ông Đ không đến nhận nhiệm vụ tại đơn vị được điều động về, không thực hiện công việc theo phân công, và không có lý do chính đáng.

[3.4] Việc ông Đ đưa ra 48 bức ảnh tự chụp chân dung cá nhân khu vực bếp ăn trụ sở PC10, PK02 do Phòng Cảnh sát cơ động (PK02) quản lý và 01 Giấy ra viện của Bệnh viện Y và 01 giấy ra viện cấp sau thời điểm bị chấm dứt hợp đồng lao động và tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ cung cấp 1 USB cho rằng trong đó chứa nội dung thể hiện vào các ngày từ 01/8/2024 đến 14/8/2024 có mặt tại khu bếp ăn của Phòng Cảnh sát cơ động cho thấy: Các bức ảnh mà ông Đ cung cấp và dữ liệu trong USB nếu đúng cũng chỉ thể hiện việc ông Đ có đến Bếp ăn cụm trụ sở Phòng PK02, PC10, không chứng minh được việc có tham gia lao động tại nơi làm việc, mặt khác tại thời điểm này theo Quyết định 3703 ông Đ đã được điều động đến nhận nhiệm vụ và làm việc tại Phòng Hậu Cần chứ không phải B ăn. Giấy ra viện ghi nhập viện ngày 28/8/2024 – sau thời điểm bị chấm dứt hợp đồng 6 ngày – nên không ảnh hưởng tính hợp pháp của quyết định chấm dứt hợp đồng đã ban hành từ ngày 22/8/2024. Việc ông không thông báo tình trạng sức khỏe cho cơ quan cũng không phù hợp với nghĩa vụ của người lao động.

[3.5] Hành vi của ông Đ đủ căn cứ để người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019: “Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên”.

Việc Công an tỉnh T tiến hành quy trình chấm dứt hợp đồng lao động, ban hành và triển khai Quyết định số 4031/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/8/2024 là đúng

trình tự, thủ tục và không trái với quy định của Bộ Luật lao động năm 2019, không có căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự.

[3.6] Đối với yêu cầu về khoản tiền chi trả khi chấm dứt hợp đồng lao động:

Khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ, Công an tỉnh T đã hoàn thành việc chi trả các khoản chế độ chính sách cho ông Đ gồm: Chi ăn thêm 04 ngày lễ tết (Giỗ tổ H, 30/4, 01/5 và 19/8 năm 2024) với số tiền 280.000 đồng; Chi trả tiền Huy chương vì an ninh tổ quốc số tiền 2.700.000 đồng.

Đối với tiền nghỉ hàng năm: Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 113, Điều 114 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 67 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, ông Bùi Văn Đ thuộc trường hợp được nghỉ hàng năm, số ngày nghỉ hàng năm được hưởng nguyên lương của ông Đ được xác định là 9,3 ngày nghỉ (làm tròn là 09 ngày). Nên số tiền nghỉ hàng năm của năm 2024 ông Đ được chi trả là: 2.340.000 đồng x 2.98 (hệ số lương hiện hưởng)/ 22 ngày x 09 ngày = 2.852.672 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ; ghi nhận việc Công an tỉnh chi trả một số tiền ngày nghỉ hàng năm là phù hợp; không có căn cứ chấp nhận như kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/6/2025.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THADS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

Chu Tuấn Vương